

Số: /2022/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 ngày 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội,

mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người có công cách mạng sống trong hộ nghèo đang hưởng mức trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng thấp hơn ngưỡng trên của mức sống trung bình từng khu vực theo quy định của Chính phủ.

2. Người cao tuổi theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ và điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam, sống trong hộ nghèo không có khả năng lao động, gồm:

a) Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng;

b) Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, không thuộc diện quy định ở điểm a khoản này;

c) Người từ đủ 80 tuổi trở lên không thuộc diện quy định tại điểm a khoản này mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng;

d) Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội nhưng có người nhận nuôi dưỡng, chăm sóc tại cộng đồng.

3. Người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, sống trong hộ nghèo không có khả năng lao động.

4. Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, sống trong hộ nghèo không có khả năng lao động.

5. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS sống trong hộ nghèo không có khả năng lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

6. Trẻ em dưới 03 tuổi sống trong hộ nghèo không có khả năng lao động cư trú tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ

1. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được ngân sách tỉnh hỗ trợ số tiền chênh lệch giữa mức trợ cấp ưu đãi người có công cách mạng hàng tháng so với ngưỡng trên của mức sống trung bình từng khu vực.

Ngưỡng trên của mức sống trung bình từng khu vực để tính số tiền hỗ trợ chênh lệch mức trợ cấp ưu đãi người có công cách mạng như sau: Thành thị: 3.000.000 đồng/người/tháng; nông thôn: 2.250.000 đồng/người/tháng.

2. Đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 2 Nghị quyết này được ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm 0,5 lần so với mức trợ cấp xã hội hàng tháng đối tượng đang hưởng theo mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam (hiện nay là 360.000 đồng/tháng).

3. Khi chuẩn mức sống trung bình từng khu vực, mức chuẩn trợ giúp xã hội hàng tháng được cấp có thẩm quyền điều chỉnh thì mức hỗ trợ cải thiện mức sống của các đối tượng theo quy định tại Nghị quyết này được điều chỉnh theo mức tương ứng; trong đó, mức sống trung bình từng khu vực được điều chỉnh theo ngưỡng trên tại văn bản điều chỉnh của cấp có thẩm quyền.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Dự kiến tổng kinh phí thực hiện chính sách khoảng 26,105 tỷ đồng/năm và do ngân sách tỉnh đảm bảo thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Định kỳ hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết, kịp thời đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Chủ động điều chỉnh mức hỗ trợ cải thiện mức sống của các đối tượng khi chuẩn mức sống trung bình từng khu vực, mức chuẩn trợ giúp xã hội hàng tháng được cấp có thẩm quyền điều chỉnh.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ... tháng năm 2022 và thay thế Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND ngày 06 ngày 12 ngày 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bãi bỏ khoản 4 và khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: LĐ-TB&XH, Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, TT UBNDTTQVN tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy; ĐĐBQH&HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- VP; Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Phan Việt Cường